

RẦY NÂU

(*Nilaparvata lugens* Stal.)

1. Đặc điểm hình thái và tập quán sinh sống

- Rầy nâu trưởng thành có kích thước từ 4 –5 mm. Rầy cái có màu nâu lợt, bụng to tròn và kích thước cơ thể to hơn rầy đực. Đời sống của rầy trưởng thành khoảng 10-15 ngày. Cả thành trùng và ấu trùng đều tập trung sinh sống ở phần gốc cây lúa gần mặt nước. Trong điều kiện thiếu thức ăn, rầy chuyển sang dạng cánh dài để di chuyển sang ruộng khác. Rầy cánh ngắn: cánh phủ 2/3 thân. Rầy cánh dài: cánh phủ toàn thân.



- Sau vũ hoá 4- 5 ngày thì đẻ. Trứng được đẻ thành từng hàng ở bên trong bẹ lúa, mỗi hàng từ 10 –20 trứng. Khoảng 6 – 8 ngày sau khi đẻ trứng nở thành rầy non, 1 con đẻ 400-600 trứng

- Rầy nâu khi mới nở có kích thước rất nhỏ, màu trắng sữa (còn gọi là rầy cám). Cứ 2-3 ngày rầy non lột xác một lần. Giai đoạn ấu trùng trải qua 5 tuổi (tức là 4 lần lột xác). Rầy sau 2 lần lột xác (tuổi 3) bắt đầu có màu nâu và mọc cánh.

Giai đoạn ấu trùng từ 12 –15 ngày. Vòng đời rầy nâu khoảng 30 – 35 ngày.

2. Tác hại đến cây lúa

Rầy nâu chích hút nhựa trong cây lúa để sống, có thể làm giảm năng suất hoặc làm cho cây lúa vàng và chết hoàn toàn gọi là “cháy rầy”. Ngoài ra, vết chích hút và nơi đẻ trứng của rầy sẽ tạo điều kiện cho nấm bệnh xâm nhập; Phân rầy tiết ra (có chất đường) là môi trường thích hợp cho nấm “bồ hóng” phát triển và ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của cây lúa; Rầy nâu còn là môi giới truyền bệnh “lùn xoắn lá” và “bệnh vàng lùn”.

3. Các yếu tố ảnh hưởng đến mật số rầy nâu

Gồm giống kháng, mật độ sạ, thời tiết, thời vụ.

4. Biện pháp phòng trị

a/ Bảo tồn thiên địch

b/ Biện pháp canh tác

- Giống kháng
- Mật độ sạ
- Thời vụ
- Phân bón

c/ Biện pháp hóa học

Sử dụng thuốc hóa học tuân theo nguyên tắc 4 đúng. Các loại thuốc có hiệu quả phòng trị rầy nâu là:

- ***Imitox 20SL*** : 0.3- 0.5 lít / ha
- ***Conphai 10WP*** : 0.2- 0.3kg/ ha.
- ***Ranadi 25WP*** : 0.3 – 0.4 kg / ha
- ***Losmine 250EC*** : 0.3- 0.5 lít / ha
- ***Ranaxa 25WG*** : 30- 50 gam/ ha...